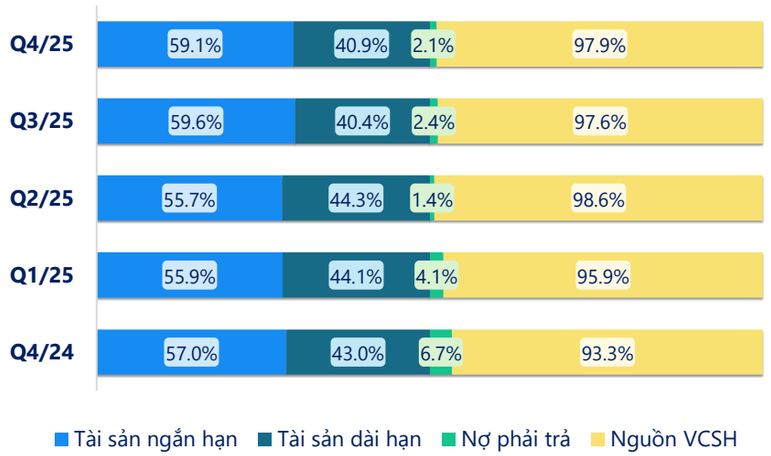
FireAnt

CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,640
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,580
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
SL cổ phiếu LH	32,191,624
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,290
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
P/E	4.3
EPS	1,539

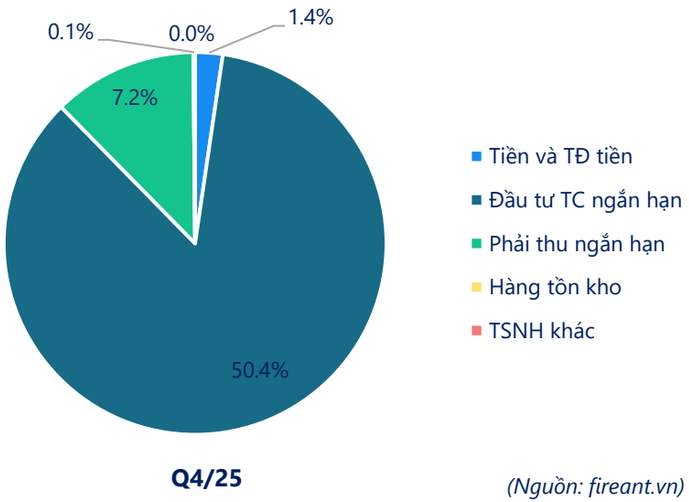
	YTD	1T	3T	6T
PTC	45.3%	-7.8%	-15.4%	14.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



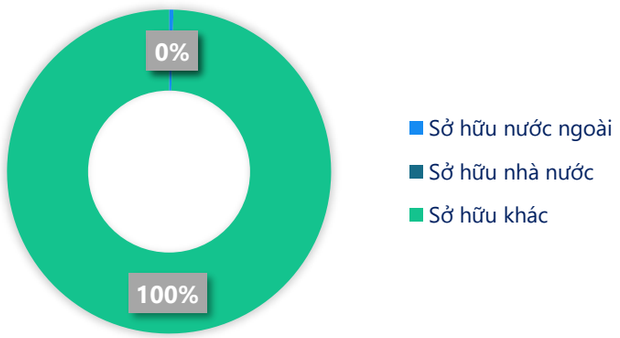
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



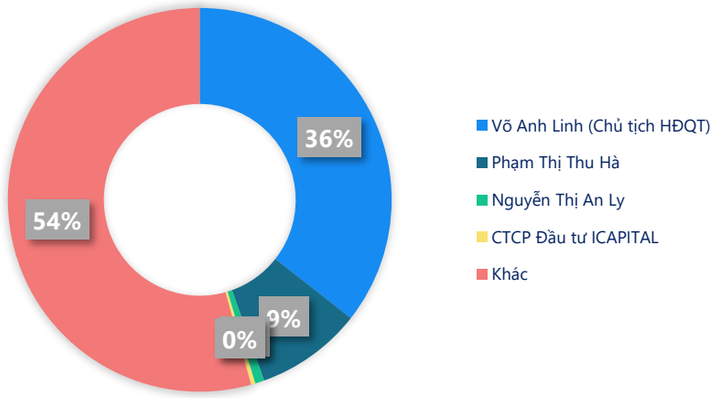
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



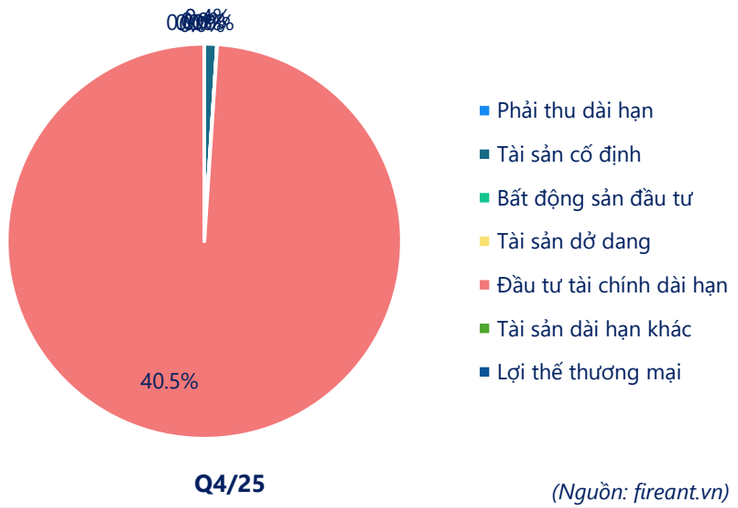
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

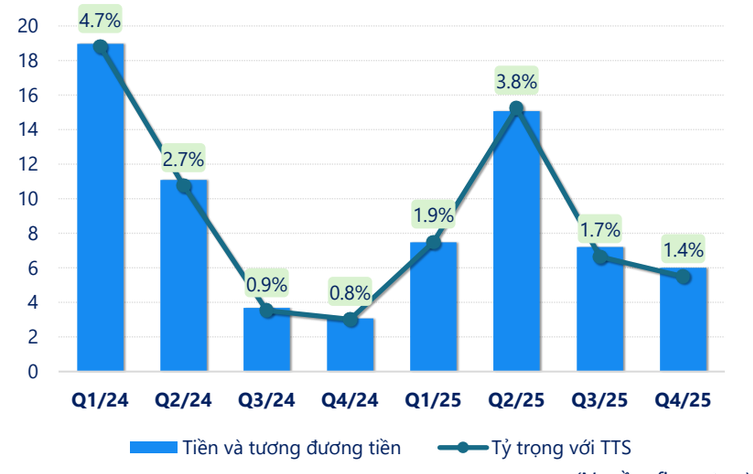


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

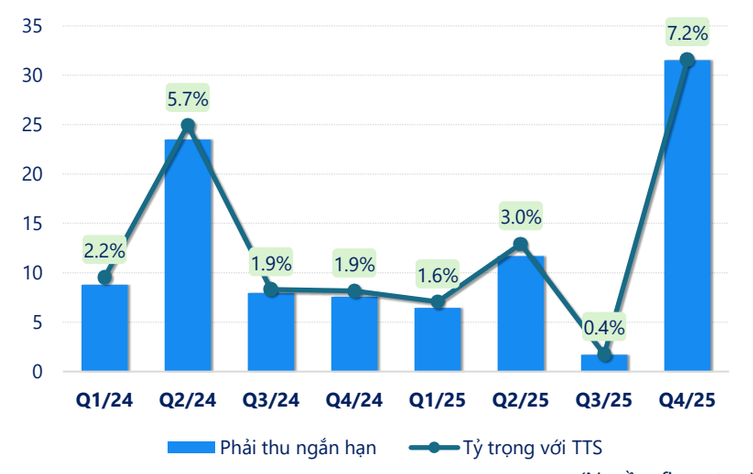
CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Tiền và tương đương tiền



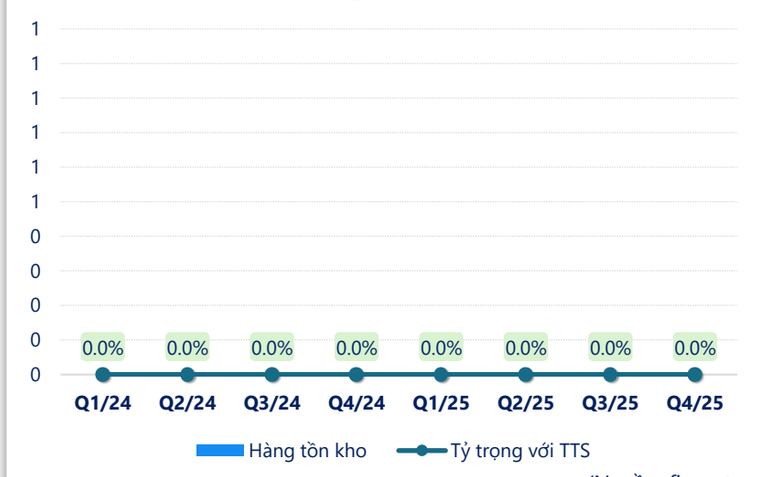
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



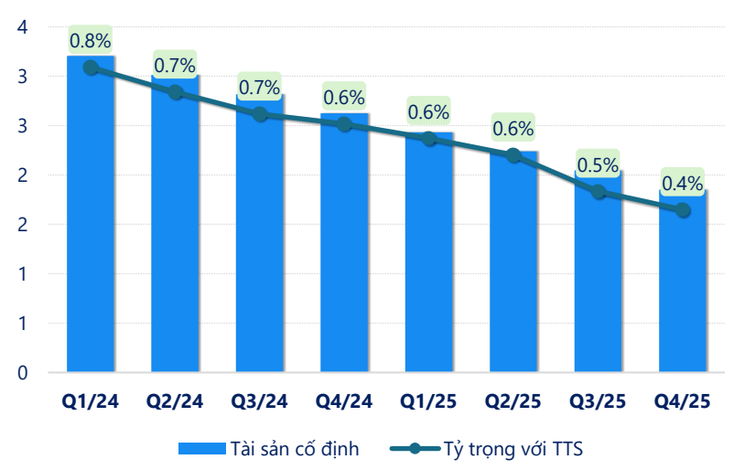
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



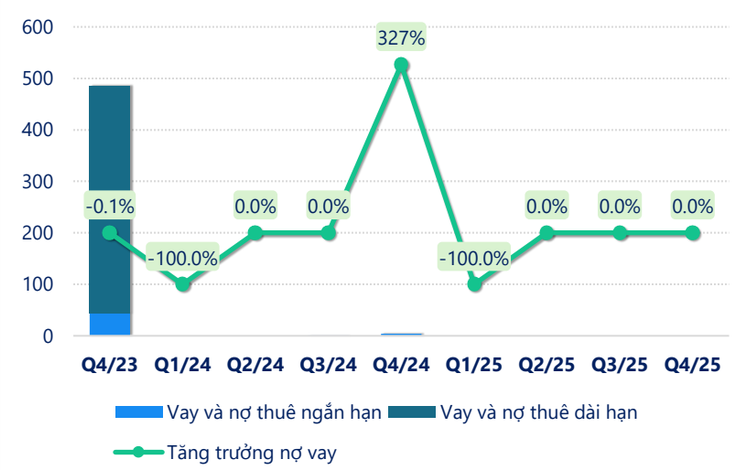
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



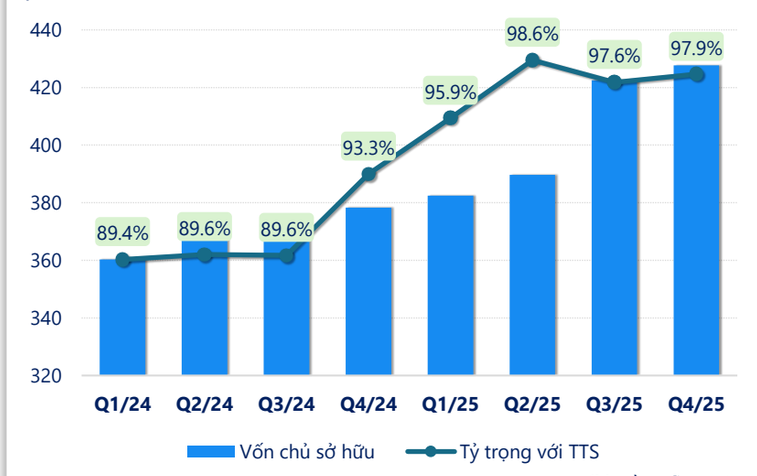
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

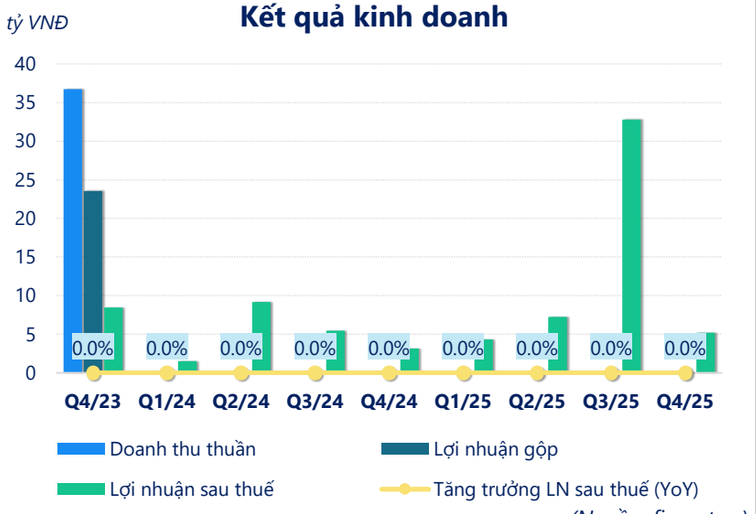


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

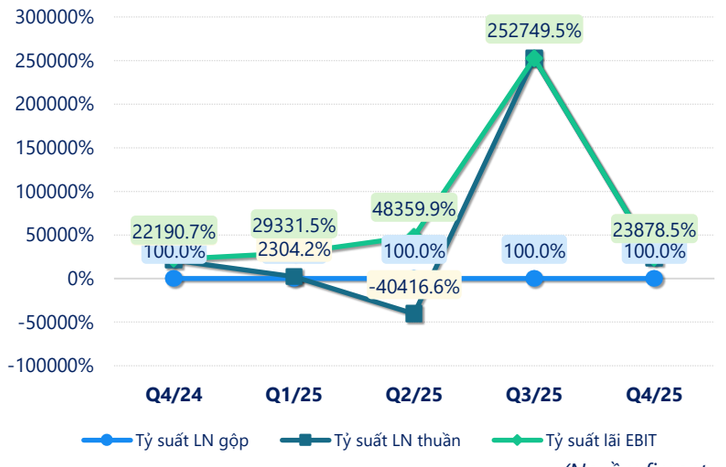
CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Kết quả kinh doanh



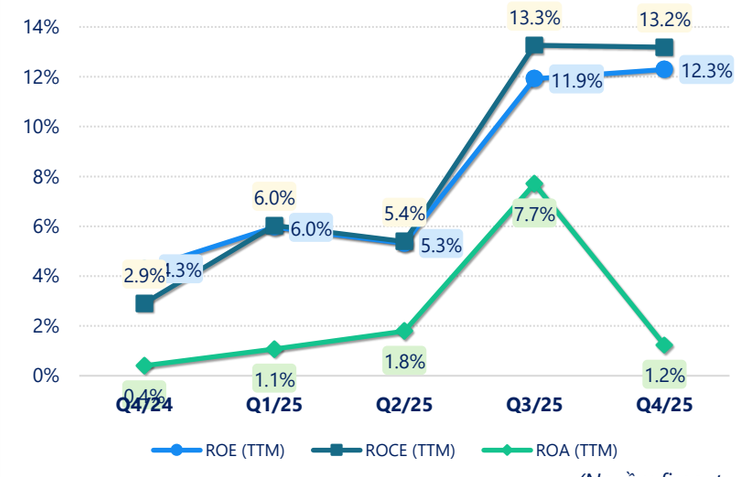
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



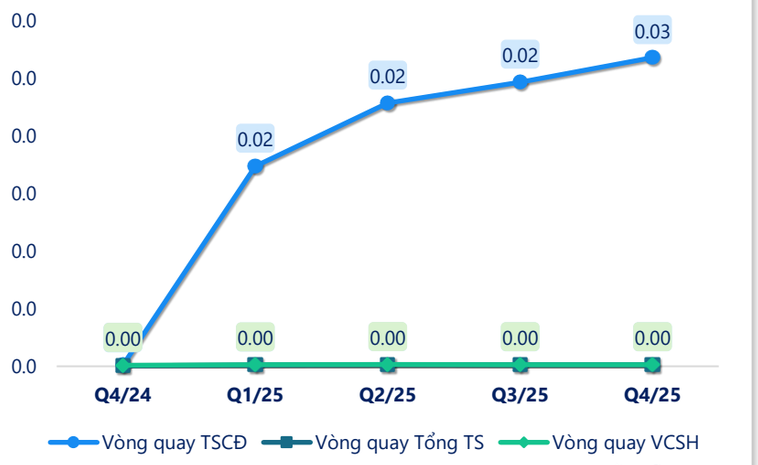
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



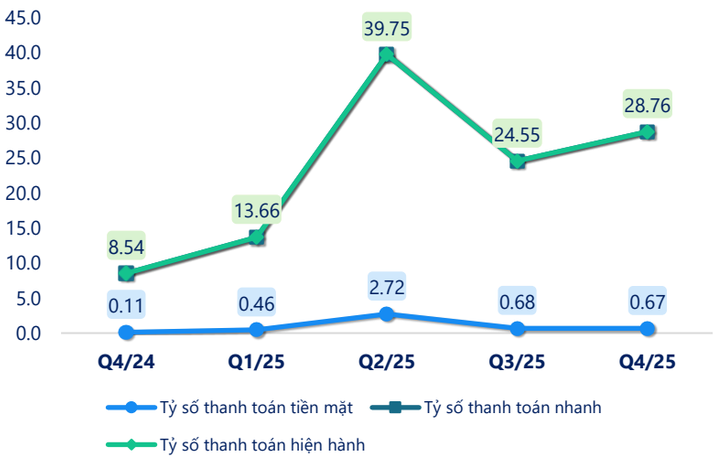
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



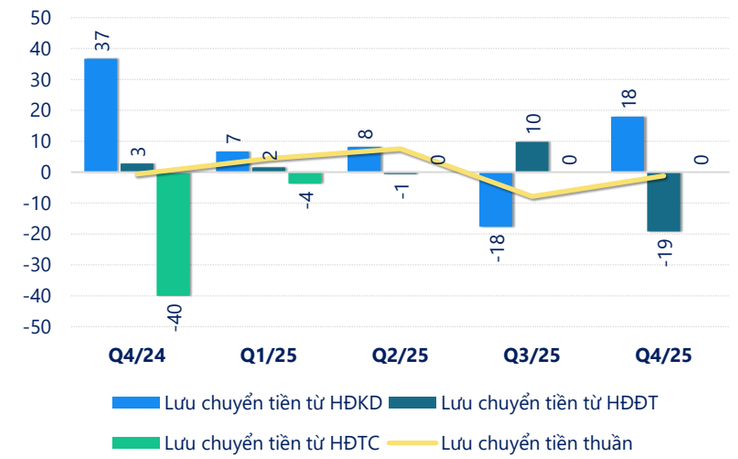
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**437**	**405**	**7.8%**
Tài sản ngắn hạn	258	231	11.8%
Tiền và tương đương tiền	6.00	3.07	95.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220	220	0.2%
Phải thu ngắn hạn	31.5	7.57	317%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.31	18.2%
Tài sản dài hạn	**179**	**174**	**2.4%**
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	1.85	2.63	-29.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	177	172	2.9%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-40.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.98	27.0	-66.8%
Nợ ngắn hạn	**8.98**	**27.0**	**-66.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.77	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.41	0.43	-2.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**428**	**378**	**13.1%**
Vốn chủ sở hữu	**428**	**378**	**13.1%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Doanh thu HĐTC	3.36	12.4	14.8	30.5	13.4
Chi phí TC	-0.78	10.8	19.4	-8.50	8.38
Chi phí lãi vay	0.17	0.08	0.03	0.04	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.00	1.21	1.44	1.12	1.43
LN thuần từ HĐKD	3.16	0.35	-6.06	37.9	3.58
Lợi nhuận khác	0	3.97	13.3	0	0
LN trước thuế	3.16	4.32	7.23	37.9	3.58
Lợi nhuận sau thuế	3.16	4.32	7.23	32.8	5.18
LNST của CĐ cty mẹ	3.16	4.32	7.23	32.8	5.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.7	6.64	8.21	-17.7	18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.75	1.54	-0.62	9.80	-19.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.1	-3.77	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.69	3.07	7.48	15.1	7.20
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.62**	**4.41**	**7.59**	**-7.86**	**-1.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.07	7.48	15.1	7.20	6.00

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic